



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm điện

Laboratory: Electrical Testing Laboratory

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty cổ phần điện Thiên Ân

Organization: Thien An Electric Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: VILAS 1438

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Điện – Điện Tử

Field: Electrical - Electronic

Người quản lý: Hà Đức Thành

Laboratory manager: Ha Duc Thanh

Hiệu lực công nhận Kể từ ngày /06/2025 đến ngày 07/07/2030

Period of Validation:

Địa chỉ: 465/2 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Address: 465/2 Phan Van Tri, Ward 5, Go Vap District, Ho Chi Minh City

Địa điểm: 718/18 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Location: 718/18 National Route 13, Hiep Binh Phuoc Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: 028 6278 8385

Email: infor@tae-jsc.com

Website: www.tae-jsc.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1438

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện Tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Máy biến thế <i>Transformer</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~1) TΩ	IEEE C57.152.2013
2.		Đo điện trở cuộn dây bằng dòng DC (x) <i>Measurement of winding resistance by DC current</i>	0,1 μΩ/ 1 μΩ ~ 2000 Ω	IEEE C57.152.2013 IEC 60034-4:2008
3.		Đo tỷ số máy biến áp (x) <i>Measurement of voltage ratio</i>	0,0001/ (0,8 ~ 20 000)	IEEE C57.152.2013
4.		Đo tổn hao điện môi tgδ của các cuộn dây (x) <i>Measurement of dissipation factor tgδ of windings</i>	0,001/ (0,001 ~ 9.99)	IEEE C57.152.2013
5.	Dầu cách điện <i>Insulating oil</i>	Thử độ bền điện môi (x) <i>Dielectric strength test</i>	0,1 kV/ (1,0 ~ 75) kV	IEC 60156:2025
6.	Dao cách ly <i>Disconnecter</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~ 1) TΩ	QCVN QTĐ-5:2009/ BCT (Điều 34)
7.		Đo điện trở tiếp xúc tiếp điểm chính (x) <i>Measurement of main contact continuity resistance</i>	0,1 μΩ/ (0 ~ 20) μΩ	IEC 62271-102:2022
8.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstands voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	IEC 62271-102:2022
9.	Chống sét van <i>Surge arrester</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~1) TΩ	IEC 60099-4:2014 QCVN QTĐ-5:2009/ BCT (Điều 79)
10.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstands voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	IEC 60099-4:2014
11.	Cáp điện <i>Power cable</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~1) TΩ	QCVN QTĐ-5:2009/ BCT (Điều 46)
12.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstands voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	IEC 60502-2:2014

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1438

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
13.	Hệ thống nối đất <i>Grounding system</i>	Đo điện trở nối đất (x) <i>Measurement of grounding resistance</i>	0,01 Ω/ (0 ~ 4) kΩ	IEEE 81-2012
14.	Cải cách điện bằng gốm hoặc thủy tinh dùng cho hệ thống điện xoay chiều <i>Ceramic or glass insulator units for a.c. system</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~1) TΩ	QCVN QTĐ-5:2009/ BCT (Điều 79)
15.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstands voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	TCVN 7998-1:2009
16.		Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1Ω/ (0 ~1) TΩ	TCVN 8083-1:2009 (IEC 60831-1:2002) TCVN 9890-1:2013 (IEC 60871-1:2005)
17.	Tụ điện trung hạ thế đến 35kV <i>Low and midle voltage capacitor up to 35kV</i>	Đo điện dung (x) <i>Measurement of capacity</i>	20 pF ~ 20 mF	TCVN 8083-1:2009 (IEC 60831-1:2002) TCVN 9890-1:2013 (IEC 60871-1:2005)
18.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstands voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	TCVN 8083-1:2009 (IEC 60831-1:2002) TCVN 9890-1:2013 (IEC 60871-1:2005)
19.	Máy cắt điện <i>Circuit breakers</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~1) TΩ	QCVN QTĐ-5:2009/ BCT (Điều 30, 32, 33)
20.		Đo điện trở tiếp xúc mạch chính (x) <i>Measurement of main contact continuity resistance</i>	0,1 μΩ/ (0 ~ 20) μΩ	IEC 62271-1:2017
21.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstands voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	IEC 62271-1:2017
22.	Thanh cái <i>Busbar</i>	Đo điện trở cách điện (x) <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 Ω/ (0 ~1) TΩ	TCVN 7994-1:2009 (IEC 60439-1:2004)
23.		Đo điện trở tiếp xúc mối nối (x) <i>Measurement of contact continuity resistance</i>	0,1 μΩ / (0 ~ 20) mΩ	IEC 61439-6:2012
24.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp (x) <i>Power frequency withstand voltage test</i>	1 kV/ (0 ~ 50) kV	TCVN 7994-1:2009 (IEC 60439-1:2004)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1438

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
25.	Rơ le bảo vệ <i>Protection relay</i>	Thử chức năng rơ le quá dòng (50/51 - 50N/51N) (x) <i>Function test of overcurrent protection relay (50/51 - 50/51N)</i>	10 mA/ (0 ~ 30) A	IEC 60255-1:2009 IEC 60255-151:2009
26.		Thử chức năng rơ le quá dòng có hướng (67/67N) (x) <i>Function test of directional overcurrent protection relay (67/67N)</i>	10 mA/ (0 ~ 30) A	IEC 60255-1:2009 IEC 60255-151:2009 IEC 60255-13:1980 IEC 60255-16:1982 IEC 60255-127:2010
27.		Thử chức năng rơ le điện áp (27/59) (x) <i>Function test of voltage protection relay (27/59)</i>	100 mV/ (0 ~ 250) V	IEC 60255-1:2009 IEC 60255-127:2010
28.		Thử chức năng rơ le tần số (81) (x) <i>Function test of frequency protection relay (F81)</i>	1,0 mHz/ (25~999,999) Hz	IEC 60255-1:2009 IEC 60034-3:2007
29.		Thử chức năng rơ le so lệch bảo vệ máy biến thế (F87) (x) <i>Function test of differential protection relay (F87)</i>	10 mA/ (0 ~ 30) A	IEC 60255-1:2009 IEC 60255-13:1980
30.	Nguồn điện <i>Power source</i>	Đo tần số (x) <i>Measurement of frequency</i>	0,001/ (44,5 ~ 57,5) Hz	IEC 62586-2:2017
31.		Đo điện áp vận hành đầu ra (x) <i>Measurement of output voltage operating</i>	0,01 V/ (1 ~ 600) V	IEC 62586-2:2017
32.		Đo xâm nhập của dòng điện DC (x) <i>Measurement of DC current</i>	0,1 A/ (0,5 ~ 600) A	IEC 61000-4-7:2009 IEC 61000-4 30:2021
33.		Đo độ nhấp nháy điện áp (x) <i>Measurement of voltage flicker</i>	0,01/ (0 ~ 20) lần/phút	IEC 62586-2:2017

Chú thích/ Note:

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt Nam / *Vienam National Technical Regulation*;
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnamese National Standards*;
- IEEE: Ủy ban Kỹ thuật Điện và Điện tử/ *Institute of Electrical and Electronics Engineers*;
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*;
- (x): Phép thử thực hiện tại hiện trường / *On-site tests*.

Trường hợp Công ty cổ phần điện Thiên Ân cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần điện Thiên Ân phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Thien An Electric Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

